

Số: 02/2018/QĐST-DS

A, ngày 21 tháng 9 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
KHÔNG CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH NGOÀI TÒA ÁN

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Bùi Duy Thạch

Thư ký phiên họp: Bà Ngô Thị Nguyệt - Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên họp: Bà Phạm Thị Mai Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A mở phiên họp xét công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án thụ lý số: 12/2018/TLST-VDS ngày 08 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định mở phiên họp số: 04/2018/QĐST-VDS ngày 13 tháng 9 năm 2018.

- ***Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:***

+ Ngân hàng N; địa chỉ: Số X đường Y, phường T, quận B, thành phố Hà Nội

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng N: Ông Nguyễn Hữu C – Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh A là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Ngân hàng N). Có mặt tại phiên họp.

+ Ông Ngô Văn L và bà Trần Thị N; đều có địa chỉ: Thôn X, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; cùng có mặt tại phiên họp.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Theo đơn yêu cầu, trong quá trình tố tụng và tại phiên họp, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng N trình bày:

Ngân hàng N – Chi nhánh A (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và ông Ngô Văn L, bà Ngô Thị N có quan hệ tín dụng, cụ thể như sau:

+ Hợp đồng tín dụng số: 2113LAV201100389/HĐTD/15 ký ngày 31 tháng 5 năm 2011 có nội dung Ngân hàng cho bà Trần Thị N vay số tiền 500.000.000đ

- Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 27 tháng 6 năm 2011)

- Mục đích vay vốn: Kinh doanh đậm uê

- Lãi suất tại thời điểm vay: Lãi suất vay trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 18%/năm, được điều chỉnh phù hợp theo quy định về lãi suất; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

+ Hợp đồng tín dụng số: 2113LAV201100390/HĐTD/15 ký ngày 31 tháng 5 năm 2011 có nội dung Ngân hàng cho ông Ngô Văn L vay số tiền 500.000.000đ

- Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 24 tháng 6 năm 2011)

- Mục đích vay vốn: Kinh doanh đậm urê

- Lãi suất tại thời điểm vay: Lãi suất vay trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 18%/năm, được điều chỉnh phù hợp theo quy định về lãi suất; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trên thửa đất số 333, tờ bản đồ số 36, xã An Hòa (địa chỉ thửa đất: Thôn X, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AA092882, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số 02860 do UBND huyện A, thành phố Hải Phòng cấp ngày 16 tháng 7 năm 2004 đứng tên chủ sử dụng là ông Ngô Văn L. Việc thế chấp tài sản đã được lập hợp đồng, được công chứng, chứng thực và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng: Ông Ngô Văn L và bà Trần Thị N đã được Ngân hàng giải ngân cho vay số tiền 1.000.000.000đ theo nội dung của hai hợp đồng tín dụng đã ký. Tuy nhiên, ông L và bà N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Tính hết ngày 31 tháng 5 năm 2018, ông L và bà N còn nợ Ngân hàng: 1.697.208.333 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 1.000.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 697.208.333 đồng.

Ngân hàng đã khởi kiện ông L và bà N tại Tòa án nhân dân huyện A yêu cầu ông L và bà N thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền 1.697.208.333 đồng; trong đó: Nợ gốc: 1.000.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 697.208.333 đồng.

Ngày 26 tháng 7 năm 2018, ông Nguyễn Văn T, Hòa giải viên - Trung tâm hòa giải, đối thoại - Tòa án nhân dân huyện A đã tiến hành hòa giải giữa Ngân hàng với ông Ngô Văn L và bà Trần Thị N. Các bên tham gia hòa giải đã thỏa thuận như sau:

1. Về số nợ: Tính đến ngày 31 tháng 5 năm 2018, ông Ngô Văn L và bà Trần Thị N còn nợ Ngân hàng số tiền như sau:

- Đối với hợp đồng tín dụng số 2113LAV201100389/HĐTD/15 ngày 31 tháng 5 năm 2011:

+ Nợ gốc: 500.000.000 đồng

+ Nợ lãi trong hạn: 350.270.833 đồng.

- Đối với hợp đồng tín dụng số 2113LAV201100390/HĐTD/15 ngày 31 tháng 5 năm 2011:

+ Nợ gốc: 500.000.000 đồng
+ Nợ lãi trong hạn: 346.937.500 đồng.
- Tổng cộng: 1.697.208.333 đồng (Bằng chữ: Một tỷ sáu trăm chín mươi bảy triệu hai trăm linh tám nghìn ba trăm ba mươi ba đồng). Trong đó:

+ Nợ gốc: 1.000.000.000 đồng
+ Nợ lãi trong hạn: 697.208.333 đồng.

2. Về số tiền lãi phát sinh sau ngày 31 tháng 5 năm 2018: Kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2018, ông Ngô Văn L và bà Trần Thị N còn phải chịu số tiền lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng số 2113LAV201100389/HĐTD/15 ngày 31 tháng 5 năm 2011 và số 2113LAV201100390/HĐTD/15 ngày 31 tháng 5 năm 2011 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số nợ.

3. Về nghĩa vụ thanh toán: Ông Ngô Văn L và bà Trần Thị N phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 1.697.208.333đ (trong đó: Nợ gốc là 1.000.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 697.208.333 đồng) và số tiền lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng số 2113LAV201100389/HĐTD/15 ngày 31 tháng 5 năm 2011 và số 2113LAV201100390/HĐTD/15 ngày 31 tháng 5 năm 2011 kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2018 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số nợ.

4. Về thời hạn thanh toán:

+ Đối với hợp đồng tín dụng số 2113LAV201100390/HĐTD/15:

- Trước ngày 31 tháng 12 năm 2018, ông Ngô Văn L và bà Trần Thị N phải trả cho Ngân hàng là 30.000.000đ

- Trước ngày 30 tháng 3 năm 2019, ông Ngô Văn L và bà Trần Thị N phải trả cho Ngân hàng là 30.000.000đ

- Trước ngày 30 tháng 6 năm 2019, ông Ngô Văn L và bà Trần Thị N phải trả cho Ngân hàng là 30.000.000đ

- Kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2019 trở đi, trước ngày cuối cùng của các tháng cuối quý (các tháng 3, 6, 9 và 12), ông Ngô Văn L và bà Trần Thị N phải trả cho Ngân hàng là 65.000.000đ cho đến khi thanh toán hết khoản nợ (kỳ cuối thanh toán số còn lại, có giá trị nhỏ hơn 65.000.000đ).

+ Đối với hợp đồng tín dụng số 2113LAV201100389/HĐTD/15

- Trước ngày 31 tháng 12 năm 2018, ông Ngô Văn L và bà Trần Thị N phải trả cho Ngân hàng là 30.000.000đ

- Trước ngày 30 tháng 3 năm 2019, ông Ngô Văn L và bà Trần Thị N phải trả cho Ngân hàng là 30.000.000đ

- Trước ngày 30 tháng 6 năm 2019, ông Ngô Văn L và bà Trần Thị N phải trả cho Ngân hàng là 30.000.000đ

- Kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2019 trở đi, trước ngày cuối cùng của các tháng cuối quý (các tháng 3, 6, 9 và 12), ông Ngô Văn L và bà Trần Thị N phải trả cho

Ngân hàng là 65.000.000đ cho đến khi thanh toán hết khoản nợ (kỳ cuối thanh toán số còn lại, có giá trị nhỏ hơn 65.000.000đ).

5. Về xử lý tài sản bảo đảm: Trong trường hợp ông Ngô Văn L và bà Trần Thị N vi phạm nghĩa vụ trả nợ ở bất kỳ thời điểm nào đã nêu ở trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự phát mại quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất trên thửa đất số 333, tờ bản đồ số 36, xã A (địa chỉ thửa đất: Thôn X, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AA092882, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số 02860 do UBND huyện A, thành phố Hải Phòng cấp ngày 16 tháng 7 năm 2004 đứng tên chủ sử dụng là ông Ngô Văn L (toàn bộ tài sản thế chấp không có gì thay đổi so với thời điểm nhận thế chấp; hiện chỉ do ông Ngô Văn L và bà Trần Thị N đang quản lý, sử dụng). Số tiền thu được từ việc phát mại tài sản được dùng để thực hiện toàn bộ nghĩa vụ thanh toán của ông Ngô Văn L và bà Trần Thị N theo các hợp đồng tín dụng số 2113LAV201100389/HĐTD/15 ngày 31 tháng 5 năm 2011 và số 2113LAV201100390/HĐTD/15 ngày 31 tháng 5 năm 2011. Nếu sau khi thực hiện nghĩa vụ thanh toán, số tiền thu được từ việc phát mại tài sản vẫn còn sẽ được trả lại cho ông Ngô Văn L và bà Trần Thị N. Nếu còn thiếu thì ông Ngô Văn L và bà Trần Thị N phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng N, ông Ngô Văn L và bà Trần Thị N đề nghị Tòa án nhân dân huyện A công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án theo biên bản hòa giải ngày 26 tháng 7 năm 2018 giữa Ngân hàng với ông Ngô Văn L và bà Trần Thị N như nội dung đã nêu ở trên.

Tại các biên bản lấy lời khai và tại phiên họp, người yêu cầu ông Ngô Văn L và bà Trần Thị N trình bày:

Về việc ký kết, thực hiện hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản và thỏa thuận của các bên có liên quan tại Trung tâm hòa giải, đối thoại Tòa án nhân dân huyện A vào ngày 26 tháng 7 năm 2018 như đại diện Ngân hàng đã trình bày là đúng. Nhưng hiện tại ông Ngô Văn L và bà Trần Thị N thấy nội dung đã thỏa ngày 26 tháng 7 năm 2018 là xâm phạm đến quyền lợi của ông, bà nên ông Ngô Văn L và bà Trần Thị N đề nghị Tòa án không công nhận kết quả hòa giải thành của các bên như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến về việc giải quyết yêu cầu của người yêu cầu:

- Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ việc và tại phiên họp, Thẩm phán, Thư ký và người yêu cầu đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết yêu cầu của người yêu cầu: Việc hòa giải của các đương sự không hoàn toàn tự nguyện, vi phạm điều cấm của luật nên đề nghị Tòa án căn cứ các điều 417, 418, 419 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận đơn yêu cầu của người yêu cầu. Ngân hàng phải chịu lệ phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện Kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện A nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ việc: Đây là việc dân sự: "Yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án", nên theo quy định tại khoản 7, Điều 27; điểm s, khoản 2, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A.

[2] Xét yêu cầu của người yêu cầu: Các bên tham gia thỏa thuận hòa giải có đầy đủ thẩm quyền và năng lực hành vi dân sự; có quyền, nghĩa vụ đối với nội dung thỏa thuận hòa giải; tuy nhiên theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án thì tài sản trên đất do ông Ngô Văn L và bà Trần Thị N xây dựng trên diện tích đất đã được thế chấp cho Ngân hàng có một ngôi nhà mái bằng bê tông cốt thép, tường xây gạch chỉ 110 có một phần nằm trên diện tích (kích thước 0,2 x 23,7m) chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên thỏa thuận của các đương sự về việc đồng ý phát mại tài sản là quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất trên thửa đất số 333, tờ bản đồ số 36, xã A (địa chỉ thửa đất: Thôn X, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AA092882, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận số 02860 do UBND huyện A, thành phố Hải Phòng cấp ngày 16 tháng 7 năm 2004 là trái quy định của pháp luật; mặt khác sau khi có Tòa án thụ lý vụ việc ông Ngô Văn L và bà Trần Thị N thay đổi quan điểm, không đồng ý với thỏa thuận tại Biên bản hòa giải ngày 26 tháng 7 năm 2018 của các bên. Xét thấy thỏa thuận của các bên không hoàn toàn tự nguyện, vi phạm điều cấm của luật nên không được Tòa án chấp nhận.

[3] Về lệ phí: Các đương sự đã thỏa thuận Ngân hàng phải chịu cả lệ phí việc dân sự nên Ngân hàng phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự để sung vào ngân sách nhà nước.

Căn cứ khoản 7, Điều 27; điểm s, khoản 2, Điều 39; các điều 143, 149, 367, 369, 370, 417, 418 và 419 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 6; Khoản 1, Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Không công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án thụ lý số 04/2018/TLST-VDS ngày 08 tháng 8 năm 2018

Điều 2. Lệ phí việc dân sự do Ngân hàng N chịu cả 300.000đ, Ngân hàng N đã nộp số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0015265 ngày 26 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A nên không phải nộp nữa.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành ngay, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THA dân sự huyện A;
- Người yêu cầu;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

THẨM PHÁN

Bùi Duy Thạch